

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ KHU VỰC IV

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số ~~323~~ CV/HVCTKV IV

Cần Thơ, ngày 08 tháng 10 năm 2026

Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán chi
ngân sách nhà nước 9 tháng đầu năm 2026

Kính gửi: Vụ Kế hoạch - Tài chính

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước;

Ngày 08/10/2026, Học viện Chính trị khu vực IV đã phê duyệt Quyết định số 1222 -QĐ/HVCTKV IV về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước 9 tháng đầu năm 2026 của Học viện Chính trị khu vực IV. (Quyết định và biểu mẫu đính kèm).

Học viện Chính trị khu vực IV xin báo cáo Vụ Kế hoạch - Tài chính được biết và xin ý kiến thực hiện.

Trân trọng cảm ơn! H

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu: VT, Ban KH-TC



GIÁM ĐỐC

Ngô Tuấn Nghĩa

Số 122/QĐ/HVCTKV IV

Cần Thơ, ngày 08 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán
chi ngân sách nhà nước 9 tháng đầu năm 2026**

Căn cứ Quyết định số 838-QĐ/HVCTQG ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính trị khu vực IV;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 8691-QĐ/HVCTQG ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2951-QĐ/HVCTQG ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc giao số kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên NSNN năm 2026 của Học viện Chính trị khu vực IV;

Căn cứ Quyết định số 4348-QĐ/HVCTQG ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc giao bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;



Căn cứ Quyết định số 5366-QĐ/HVCTQG ngày 11 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho Học viện Chính trị khu vực IV;

Xét đề nghị của Trưởng ban Kế hoạch - Tài chính,

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước 9 tháng đầu năm 2026 của Học viện Chính trị khu vực IV (*mẫu biểu đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng, Trưởng ban Kế hoạch - Tài chính và thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Học viện Chính trị khu vực IV tổ chức thực hiện Quyết định này. *H*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Giám đốc HVCTQGHCM (để b/c);
- Vụ KH – TC (để b/c);
- Ban TV Đảng ủy, Ban GD;
- Trưởng Ban Thanh tra nhân dân;
- Công TTĐT HVCT KV IV;
- Lưu: VT, Ban KH-TC. *Q*



GIÁM ĐỐC

Ngô Xuân Nghĩa



CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Công văn số 323 -CV/HVCTKV IV ngày 08 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Học viện Chính trị khu vực IV)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1222-QĐ/HVCTKVIV ngày 08 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Học viện Chính trị khu vực IV)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm				Ước thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)	Số liệu cùng kỳ năm trước
		Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao bổ sung trong năm 2026	Dự toán giao năm 2026				
1	2	3				4	5	6	7
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	74.635	2.395	650	71.590	28.842	40,29%	-	-
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>	3.089	-		3.089	-			
	Dự toán được sử dụng	71.546	2.395	650	68.501	28.842	42,10%	-	-
I	Nguồn ngân sách trong nước	74.635	2.395	650	71.590	28.842	40,29%	-	-
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>	3.089	-		3.089	-			
	Dự toán được sử dụng	71.546	2.395	650	68.501	28.842	42,10%	-	-
1	Chi quản lý hành chính	-	-		-	-			
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>	-							
	Dự toán được sử dụng	-							
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	-							

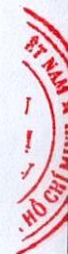
Số TT	Nội dung	Dự toán năm				Ước thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)	Số liệu cùng kỳ năm trước
		Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao bổ sung trong năm 2026	Dự toán giao năm 2026				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	-							
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	1.980	-	650	1.330	301	22,65%	-	-
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-		-	-		-	-
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	-							
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	-		-	-		-	
	Nghiên cứu cơ bản (Loại 100-101)	-	-		-	-			
	Nghiên cứu ứng dụng (Loại 100-102)								
	Phát triển công nghệ, phát triển giải pháp xã hội (100-103)								
	Hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ (loại 100-106)								
	Khoa học và công nghệ khác (Loại 100-108)								
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-							
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.980		650	1.330	301	22,65%	-	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	1.980		650	1.330	301	22,65%	-	
	Nghiên cứu cơ bản (Loại 100-101)	1.980		650	1.330	301	22,65%	-	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm				Ước thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)	Số liệu cùng kỳ năm trước
		Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao bổ sung trong năm 2026	Dự toán giao năm 2026				
	Nghiên cứu ứng dụng (Loại 100-102)								
	Phát triển công nghệ, phát triển giải pháp xã hội (100-103)								
	Hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ (loại 100-106)								
	Khoa học và công nghệ khác (Loại 100-108)								
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số	-							
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	72.655	2.395		70.260	28.540	40,62%	-	-
	Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP	3.089	-		3.089	-			
	Dự toán được sử dụng	69.566	2.395		67.171	28.540	42,49%	-	-
	- Kinh phí thường xuyên giao tự chủ								
	- Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ								
3.1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo (Loại 070-081)								
	Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP								
	Dự toán được sử dụng								
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ								
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ								

Số TT	Nội dung	Dự toán năm				Ước thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)	Số liệu cùng kỳ năm trước
		Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao bổ sung trong năm 2026	Dự toán giao năm 2026				
3.2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo (Loại 070-082)								
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>								
	<i>Dự toán được sử dụng</i>								
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ								
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ								
3.3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo (Loại 070-083)	72.155	2.395		69.760	28.527	40,89%	-	-
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>	3.089			3.089				
	<i>Dự toán được sử dụng</i>	69.066	2.395		66.671	28.527	42,79%	-	-
3.3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	40.655			40.655	23.227	57,13%		
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	40.096			40.096				
	<i>Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>	559			559				
3.3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	31.500	2.395	-	29.105	5.300	18,21%	-	-
3.3.2.1	Kinh phí mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình	16.620	2.395		14.225	815			

SẢN PHẨM
VIỆN
H TR
ƯC
ĐC G

Số TT	Nội dung	Dự toán năm				Ước thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)	Số liệu cùng kỳ năm trước
		Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao bổ sung trong năm 2026	Dự toán giao năm 2026				
	<i>Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>	2.530			2.530				
3.3.2.2.	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên khác	12.350			12.350	4.485			
3.4	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo (Loại 070-085)	500	-		500	13,4	2,68%		
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>	-			-	-			
	<i>Dự toán được sử dụng</i>	500			500	13,4	2,7%		
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-							
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	500			500	13,4	2,7%		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-							
5	Chi bảo đảm xã hội	-							
6	Chi hoạt động kinh tế	-	-		-	-			
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>	-							
	<i>Dự toán được sử dụng</i>	-							
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-							
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-							
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-							



Số TT	Nội dung	Dự toán năm				Ước thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)	Số liệu cùng kỳ năm trước
		Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao bổ sung trong năm 2026	Dự toán giao năm 2026				
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>	-							
	<i>Dự toán được sử dụng</i>	-							
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-							
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-							
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-							
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>	-							
	<i>Dự toán được sử dụng</i>	-							
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-							
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-							
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-							
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-							
11	Chi viện trợ	-	-		-				
II	Nguồn vốn viện trợ	-							
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-	-		-				